

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 04-7-2018
V/v tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Xuyên;

Ông Huỳnh Tấn Khoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2017/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Hàng V, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn Bé T, chức vụ; Quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt nam – chi nhánh An Giang (theo Quyết định số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016).

Người được ủy quyền: Ông Phan Hữu P, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Chợ Mới – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang; (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 270/QĐ-BIDV-AG ngày 24/10/2017); (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1986; (có mặt).

Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Lộc P, sinh năm 1972; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang;

- Ông Nguyễn Vĩnh P1, sinh năm 1981; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Bửu L, sinh năm 1979; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/9/2017 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/5/2015, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch Chợ Mới và ông Nguyễn Vĩnh T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4117489/HĐTD về việc Ngân hàng cho ông Vĩnh vay tiền với các nội dung cụ thể:

- Số tiền cho vay: 185.000.000 (*một trăm tám mươi lăm triệu*) đồng.
- Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 04/5/2015 đến hết ngày 04/4/2016.
- Lãi suất cho vay trong hạn: 9,75%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán, vận chuyển trái cây.

Để đảm bảo khoản vay, ông Nguyễn Vĩnh T đã thế chấp các tài sản quyền quyền sử dụng đất diện tích 702,7 m², thửa đất số 26, tờ bản đồ số 49, trong đó, diện tích đất ở nông thôn 563m², diện tích đất trồng cây lâu năm 139,7m², tọa lạc tại ấp M, xã My, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01734 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 26/08/2010 cho ông Nguyễn Vĩnh T.

Việc thế chấp được ông T ký kết theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/4117489/HĐBĐ ngày 03/6/2014 ký giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Chợ Mới với bên thế chấp là ông Nguyễn Vĩnh T.

Ông T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi vay như đã cam kết theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 04/7/2018 số tiền cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc: 185.000.000 (*một trăm tám mươi lăm triệu*) đồng.
- Tiền lãi trong hạn: 38.756.563 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 20.567.760 đồng.

Ngân hàng đã dùng mọi biện pháp để đôn đốc ông T thanh toán nợ vay. Đồng thời yêu cầu ông T cam kết bán tài sản để trả nợ vay nhưng đến thời điểm hiện tại ông T vẫn chưa bán được tài sản và cũng chưa có biện pháp nào khác để thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như đã cam kết. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh T phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền vốn 185.000.000 (*một trăm tám mươi lăm triệu*) đồng và tổng số tiền lãi (bao gồm lãi vay trong hạn và lãi vay quá hạn) tạm tính đến ngày 04/7/2018 là 59.324.323 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4117489/HĐTD ngày 04/5/2015 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong; tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/4117489/HĐBĐ ngày 03/6/2014 ký giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Chợ Mới với bên thế chấp là ông Nguyễn Vĩnh T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Theo tờ tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Vĩnh T trình bày: Ngày 04/5/2015, ông có vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Chợ Mới số tiền 185.000.000 đồng, lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng là 9,75%/năm, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh. Do chuyện kinh doanh không thuận lợi nên ông không có khả năng trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông trả nợ, ông đồng ý nhưng hiện tại ông không có khả năng trả một lần hết số nợ, ông yêu cầu được trả dần. Tuy nhiên, hiện nay trên phần đất tranh chấp đã phát sinh thêm 02 căn nhà của 02 người anh ông: Nguyễn L P, sinh năm 1972; cư trú: Ấp M, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Nguyễn Vĩnh P1, sinh năm 1981; cư trú: Ấp M, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngày 15/3/2018, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất thế chấp. Hiện tại, trên phần đất thế chấp có các tài sản gồm:

- 01 căn nhà của ông Nguyễn Vĩnh T chiều ngang khoảng 5,5m, chiều dài khoảng 14,8m, kết cấu nhà sàn gỗ, vách ván, mái ngói, khung gỗ;
- 01 căn nhà của ông Nguyễn Lộc P chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 08m, kết cấu nhà sàn gỗ, vách tole, mái tole, khung gỗ;
- 01 căn nhà của ông Nguyễn Vĩnh P1 chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 08m, kết cấu nền gạch, khung gỗ, vách tole, mái tole;
- 01 căn nhà của ông Nguyễn Bửu L chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 08m, kết cấu nền gạch, khung gỗ, vách tole, mái tole.

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất thế chấp, Tòa án đưa các ông P, P1 và L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan và đã triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Đại diện ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý cách trả dần của bị đơn và không đồng ý giảm tiền lãi cho bị đơn.

Ông T yêu cầu được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng đến khi hết số nợ và yêu cầu được không trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông T có ký kết hợp đồng tín dụng với số tiền 185.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01734 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 26/08/2010 cho ông Nguyễn Vĩnh T. Đại diện Ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền vốn 185.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết tính đến ngày 04/7/2018 là 59.324.323 đồng và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án. Ông T xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng và không trả lãi. Xét thấy, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa hai bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Do ông T vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng yêu cầu trả vốn, tiền lãi và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp là phù hợp Điều 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự 2005, Điều 297 Luật thương mại năm 2005 và Điều 56, 58 nghị định 63/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Đối với các ông P1, L, P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến nên không có cơ sở xem xét đến quyền lợi của các ông trong vụ án này.

Riêng, ông T có yêu cầu xin trả dần và không trả lãi nhưng không được đại diện Ngân hàng đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự 2005; Điều 297, 300, 301 Luật thương mại năm 2005; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 56, 58 nghị định 63/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Vĩnh T, ông T cư trú tại ấp Mỹ P, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, căn cứ vào Điều 30, 35, 39 Bộ luật tố Tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông L, ông P1, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4117489/HĐTD ngày 04/5/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/4117489/HĐBĐ ngày 03/6/2014, xác định giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông T có xác lập Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản. Theo đó, ông T có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 185.000.000 (*một trăm tám mươi lăm triệu*) đồng để bổ sung vốn kinh doanh mua bán, vận chuyển trái cây, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất 9,75%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã giải ngân đủ số vốn vay cho ông T. Hợp đồng tín dụng giữa hai bên phù hợp với quy định nên đây là hợp đồng hợp pháp. Theo trình bày của đại diện ngân hàng tại phiên tòa, đến nay ông T còn nợ tiền gốc 185.000.000 (*một trăm tám mươi lăm triệu*) đồng và tổng số tiền lãi 59.324.323 (*năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi ba*) đồng. Như vậy, ông T đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã giao kết, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán tiền gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005. Ông Nguyễn Vĩnh T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền gốc 185.000.000 (*một trăm tám mươi lăm triệu*) đồng, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm 04/7/2018 là 59.324.323 (*năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi ba*) đồng, tổng cộng vốn gốc và lãi 244.324.323 (*hai trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi ba*) đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên là phù hợp pháp luật, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T phải tiếp tục trả lãi từ ngày 05/7/2018 theo mức lãi suất đã thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4117489/HĐTD ngày 04/5/2015 đối với số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

[2.3]. Xét yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản của Ngân hàng nhận thấy:

Khoản vay của ông T bảo đảm bằng việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/4117489/HĐBĐ ngày 03/6/2014 ký giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Chợ Mới với bên thế chấp là ông Nguyễn Vĩnh T. Hợp đồng thế chấp được giao kết tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 721 Bộ luật Dân sự 2005 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Đối với tài sản đang tồn tại trên phần đất tranh chấp là các căn nhà của ông P, ông L và ông P1. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng và Thông báo triệu tập các đương sự để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P, ông L và ông P1 vẫn không có mặt và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết. Tuy nhiên, căn cứ vào Án lệ số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017, dành cho chủ sở hữu nhà là các ông L, ông P và ông P1 được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng đối với phần diện tích đất gắn liền với căn nhà nếu các ông có nhu cầu.

Đối với việc ông T yêu cầu xin trả dần và không trả lãi nhưng không được đại diện Ngân hàng đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3]. Về án phí:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ông T vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 474, 476, 318, 342, 343, 351, 715, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Án lệ số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc ông Nguyễn Vĩnh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền vốn gốc 185.000.000 (*một trăm tám mươi lăm triệu*) đồng và tổng số tiền lãi tính đến ngày 04/7/2018 là 59.324.323 (*năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi ba*) đồng; trong đó, tiền lãi trong hạn là 38.756.563 (*ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi ba*) đồng và tiền lãi quá hạn là 20.567.760 (*hai mươi triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi*) đồng. Tổng cộng 244.324.323 (*hai trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi ba*) đồng.

Kể từ ngày 05/7/2018, ông Nguyễn Vĩnh T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4117489/HĐTD ngày 04/5/2015 trên số dư nợ chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Vĩnh T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4117489/HĐTD ngày 04/5/2015, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng thửa đất số 26, tờ bản đồ số 49, diện tích 702,7 m², trong đó diện tích đất ở nông thôn 563m², diện tích đất trồng cây lâu năm 139,7m², tọa lạc tại ấp Mỹ P, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB741177, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH01734 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 26/08/2010 cho ông Nguyễn Vĩnh T để thu hồi nợ.

Dành cho chủ sở hữu nhà là các ông Nguyễn Bửu L, ông Nguyễn Lộc P và ông Nguyễn Vĩnh P1 được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng đối với phần diện tích đất gắn liền với căn nhà nếu các ông có nhu cầu.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Vĩnh T phải chịu 12.216.216 (*mười hai triệu hai trăm mười sáu nghìn hai trăm mười sáu*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (BIDV) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (BIDV) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.553.000 (*năm triệu năm trăm năm mươi ba nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0018839 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 24/11/2017.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông P, ông L, ông P1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong